

Bản án số: 44/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2017
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung, tài
sản chung, nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Phụng;

Ông Nguyễn Thịnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 02 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Khưu Thu M, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Đồng K 2, xã Tân T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Trịnh Hoàng D, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Tổ 3, ấp Đồng K 2, xã Tân T, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng N Việt Nam;

Địa chỉ: 18 Trần Hữu D, khu đô thị MĐ 1, huyện Từ L, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: Đường Lê D, Khu phố 1, thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Chị M, anh D có mặt; ông T có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 02 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Khuru Thị M trình bày:

Chị và anh D sống chung với nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 17/8/2004 đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Thành T, huyện Hòa T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện; trong quá trình chung sống anh D bỏ bê gia đình, không lo làm ăn hay uống rượu và chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh D không sửa đổi từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gỗ cãi vã nhau, anh D nhiều lần đánh đập chị được Công an xã Tân T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Nay chị thấy vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung tên Trịnh Trúc V, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 và Trịnh Trúc P, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013, hiện 02 cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 cháu.

Về tài sản chung: Tại đơn xin ly hôn ngày 02 tháng 02 năm 2017 chị yêu cầu chia tài sản chung giữa chị và anh D theo quy định pháp luật, nhưng ngày 12 tháng 6 năm 2017 chị có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh D có nợ Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện TC, tỉnh Tây Ninh 80.000.000 đồng, nhưng ngày 13 tháng 7 năm 2017, chị vay tiền của cha ruột trả cho Ngân hàng xong nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa anh Trịnh Hoàng D trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian chung sống, thời gian kết hôn và nơi đăng ký kết hôn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gỗ cãi vã với nhau, anh có đánh đập chị M nhiều lần và bị Công an xã Tân T xử phạt vi phạm hành chính, anh và chị M đã sống ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2017 cho đến nay và đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh thống nhất vợ, chồng có 02 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh như chị M trình bày, sau khi ly hôn ý kiến cháu Trịnh Trúc V muốn sống với chị M nên anh đồng ý giao cháu cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; đối với cháu Trịnh Trúc P, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013 anh yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất với trình bày của chị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện độc lập và lời khai tại bản tự khai ngày 28 tháng 4 năm 2017, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T trình bày:

Ngày 17 tháng 12 năm 2015 anh Trịnh Hoàng D và chị Khuru Thu M có ký hợp đồng tín dụng số 5705-LAV-201505535 với Ngân hàng N Việt Nam – Chi nhánh huyện TC, Tây Ninh (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cụ thể như sau:

- Số tiền vay gốc 80.000.000 đồng, mục đích vay để chi phí đời sống, thời hạn trả nợ ngày 12 tháng 12 năm 2018.

- Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 348, diện tích 940 m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH77192, do UBND huyện TC cấp cho anh Trịnh Hoàng D và chị Khuru Thu M ngày 03 tháng 10 năm 2011.

- Tính đến ngày 28 tháng 4 năm 2017 anh D, chị M còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc 80.000.000 đồng và tiền lãi 431.000 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh D, chị M trả lại số tiền nợ gốc và lãi nêu trên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2017 chị M đã thanh toán xong nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng trên nên ngày 18 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu chị M, anh D tiếp tục trả số tiền 80.431.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về nội dung giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khuru Thu M và anh Trịnh Hoàng D;

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trịnh Trúc V, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 và Trịnh Trúc P, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chị tài sản chung và nợ chung của chị Khuru Thu M và anh Trịnh Hoàng D. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chị M, anh D trả số tiền 80.431.000 (tám mươi triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn) đồng của Ngân hàng N Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Anh T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt

nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về hôn nhân: Chị Khuru Thu M và anh Trịnh Hoàng D chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2004, hôn nhân giữa chị và anh D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M thấy rằng, tại biên bản xác minh ngày 21 tháng 6 năm 2017 thể hiện giữa chị M và anh D có mâu thuẫn do anh D thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình mà còn đánh đập chị M nên vợ chồng đã ly thân từ khoảng tháng 01 năm 2017 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh D đồng ý ly hôn với chị M nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Khuru Thu M và anh Trịnh Hoàng D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh D có 02 con chung tên Trịnh Trúc V, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 và Trịnh Trúc P, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013, hiện hai cháu đang sống với chị M. Xét yêu cầu được quyền nuôi con của chị M và anh D thấy rằng, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu V có nguyện vọng muốn sống với chị M, anh D đồng ý giao cháu V cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét yêu cầu được quyền nuôi cháu Trịnh Trúc P của chị M và anh D thấy rằng, qua các biên bản xác minh ngày 21 tháng 6 năm 2017 tại địa P thì chị M có nơi cư trú và nghề nghiệp ổn định, anh D chưa có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên uống rượu về đánh đập chị M và gây mất trật tự tại địa phương, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh đập thành viên gia đình” nên môi trường sống và điều kiện nuôi cháu P của chị M tốt hơn anh D. Do đó để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của 02 cháu V và P cần giao 02 cháu cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp; về phần cấp dưỡng nuôi con, chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ngày 12 tháng 6 năm 2017 chị M rút yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung; anh D không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của chị M.

Xét yêu cầu độc lập của Ngân hàng N Việt Nam yêu cầu chị M, anh D thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi 80.431.000 đồng. Ngày 18 tháng 7 năm 2017 Ngân hàng rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của Ngân hàng.

[5] Về án phí: Chị Khuru Thu M phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Ngân hàng N Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Khuru Thu M và anh Trịnh Hoàng D.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trịnh Trúc V, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2006 và Trịnh Trúc P, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2013 cho chị Khuru Thu M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi cháu V và cháu P.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của chị Khuru Thu M và Trịnh Hoàng D.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chị M, anh D trả số tiền 80.431.000 (tám mươi triệu, bốn trăm ba mươi một nghìn) đồng của Ngân hàng N Việt Nam.

4. Về án phí: Chị Khuru Thu M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.175.000 đồng tại biên lai thu số 0023895 ngày 06 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, Tây Ninh; chị M được nhận lại số tiền chênh lệch 1.875.000 đồng.

Ngân hàng N Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng 2.010.500 (hai triệu, không trăm mười nghìn, năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0024221, ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

5. Chị Khuru Thị M, anh Trịnh Hoàng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng N Việt Nam (người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Anh T) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- UBND xã Long Thành Trung;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Quốc